

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/HS-ST
Ngày 13-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Văn Đàm**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Khuyển**

2. Bà **Nguyễn Thị Ngát**

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Vũ Văn Thuận** - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:** Bà **Vũ Thị Thanh Nga** và bà **Nguyễn Thanh Hải** - Kiểm sát viên.

Ngày 13/01/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 68/2024/TLST-HS ngày 02/12/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2024/QĐXXST-HS ngày 30/12/2024 đối với các bị cáo:

1. Chương Thị M (tên gọi khác: Không có) - Sinh ngày 20/01/1990 tại Hện N, tỉnh T; căn cước công dân số: 002190008033 do Cục CSQLHC về TTXH - Bộ Công an cấp ngày 28/01/2023; nơi cư trú: thôn C, xã N, Hện V, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Hán; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Chương Ngọc S (sinh năm 1965) và Dương Thị P (sinh năm 1968); có chồng là: Ban Văn T (sinh năm 1989) và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không;

Bị cáo bị bắt đề tạm giam ngày 29/7/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

2. Nông Văn N (tên gọi khác: Không có) - Sinh ngày 16/3/1990, tại Hện H, tỉnh L; căn cước công dân số: 020090096790 do Cục CSQLHC về TTXH - Bộ Công an cấp ngày 06/02/2023; nơi cư trú: thôn Đ, xã HB, Hện H, tỉnh L; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nông Văn T (đã chết) và bà Chu Thị N (sinh năm 1966); vợ: Phạm Bích P (sinh năm 1987, đã ly hôn); con: có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không;

Bị cáo bị bắt để tạm giam ngày 29/7/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

3. Đinh Văn T (tên gọi khác: Không có) - Sinh ngày 06/11/1964 tại Hện C, tỉnh L; căn cước công dân số: 020064001744 do Cục CSQLHC về TTXH - Bộ Công an cấp ngày 20/4/2021; nơi cư trú: thôn BR, xã X, Hện C, tỉnh L; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đinh Hùng T (đã chết) và bà Tô Thị L (đã chết); có vợ: Hoàng Thuý T (sinh năm 1962) và 04 con, con lớn nhất sinh năm 1985, con nhỏ nhất sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không;

Bị cáo bị bắt để tạm giam ngày 24/7/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

4. Luận Văn Q (tên gọi khác: Không có) - Sinh ngày 21/4/1996 tại Hện H, tỉnh L; căn cước công dân số: 020096008063 do Cục CSQLHC về TTXH - Bộ Công an cấp ngày 17/12/2021; nơi cư trú: thôn Đ, xã HB, Hện H, tỉnh L; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Luận Văn Đ (sinh năm 1976) và bà Hoàng Thị R (sinh năm 1976); vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không;

Bị cáo bị bắt để tạm giam ngày 24/7/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

- *Người bào chữa cho các bị cáo Chương Thị M, Nông Văn N:* Bà **Nguyễn Thị Thanh Hèn** - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước, tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

- *Người bào chữa cho các bị cáo Đinh Văn T, Luận Văn Q:* Ông **Nguyễn Xuân Giang** - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước, tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Có mặt anh Hồ Q H - Sinh năm 1994; bà Dương Thị P - Sinh năm 1968; ông Chương Ngọc S - Sinh năm 1965; Vắng mặt không lý do chị Nguyễn Thị Út H - Sinh năm 1983; anh Dương Văn T - Sinh năm 1988; chị Nguyễn Thị H - Sinh năm 1979.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 07/7/2024, Nông Văn N điều khiển xe ô tô BKS 12A-227.46 (xe ô tô của bà Chu Thị Ngoan là mẹ đẻ) cùng với Chương Thị M và Luận Văn Q, đi từ nhà của bị cáo M tại xã N, Hện V về nhà N tại thôn Đ, HB, H, L. Đến khoảng 11 giờ 00 cùng ngày, mọi người dừng ăn cơm tại một quán (không nhớ tên, địa chỉ

cụ thể) thuộc địa phận thị trấn M, Hện H. Tại quán ăn, Q có gọi điện thoại cho Hồ Q H, trú tại: thôn B, xã Đ, Hện H, tỉnh L, mời ra ăn cơm cùng, H đồng ý. Trong lúc ăn, qua cuộc nói chuyện, N biết H chạy dịch vụ taxi giống N nên bảo H chở khách cho N, lúc nào N gọi thì ưu tiên chở cho N trước, N hứa sẽ trả cao hơn taxi bình thường. Ăn cơm xong, Q và N rủ H chiều tối vào nhà N ăn cơm, H đồng ý và đi về, còn N điều khiển xe chở M và Q về nhà N.

Đến khoảng 16 giờ 00 cùng ngày, khi N đang bận làm cơm ở nhà, M thấy điện thoại của N đổ chuông, có người gọi đến (*không nhớ qua ứng dụng nào hay bằng số điện thoại*) thì cầm điện thoại của N lên bấm nghe. Đầu dây bên kia là giọng một người đàn ông (*không biết tên, tuổi, địa chỉ*) hỏi: “*Có phải chạy xe dịch vụ không?*”, M trả lời: “*Có*” và hỏi: “*Khách đi đâu? bao nhiêu người?*”, thì người đàn ông nói “*thuê chở 04 khách là nữ, đưa đi tỉnh Hà Giang để đi sang Trung Quốc*”. M nói là “*chỉ biết đi theo đường làm thủ tục cấp hộ chiếu, chính ngạch thôi*”, nhưng người đàn ông yêu cầu là “*đi theo đường tiểu ngạch vượt biên và sẽ trả tiền công cao với giá là 8.000NDT/người*”. M nói “*không biết đường nên không đồng ý đi*”, thì người đàn ông này nói “*nếu đưa đến tỉnh Hà Giang và tìm được đường đưa sang được Trung Quốc thành công thì sẽ trả cho 10.000NDT/người*” M nói để xem và tắt máy điện thoại. Ngay sau đó, M trao đổi trực tiếp với N nội dung cuộc nói chuyện với người đàn ông trên, N nói “*nhận khách thì phải tìm người đi cùng vì M và N đều không biết rõ địa hình*”. M nhớ ra Đinh Văn T (*là người xe ôm từng chở M từ biên giới Lạng Sơn nên M nghĩ có thể thông thạo địa hình biên giới*) nên đã liên hệ với Th qua ứng dụng zalo trên điện thoại và hỏi “*Chú dạo này có khoẻ không, có bận không?*” Th trả lời “*dạo này bận, đang gặt lúa*”, M nói “*bây giờ có người thuê đưa 04 người, đến tỉnh Hà Giang để tìm đường vượt biên đưa sang Trung Quốc, chú đi tìm đường cùng cháu, xong việc trừ chi phí còn lại chú cháu mình chia đôi*”, Th đồng ý, M hẹn có gì sẽ gọi lại sau. M và N thông báo cho người đàn ông là đồng ý thực hiện đưa 04 người phụ nữ qua biên giới Hà Giang để đi sang Trung Quốc với giá 10.000 NDT/ người nhưng phải ứng trước, thì người đó nói bao giờ lên tới biên giới, gửi định vị vị trí cho họ, họ sẽ cHển tiền ứng trước 10.000NDT (*mười nghìn nhân dân tệ*), N và M đồng ý. Người đàn ông đó gửi số điện thoại 0913.511.113 để liên hệ đón 04 khách nữ tại Hà Nội (*không nói rõ tại địa điểm nào*).

Do biết Q đang nợ tiền nhiều người nên N nói với M cho Q đi cùng để Q có tiền trả nợ, M đồng ý. Ngay sau đó N nói chuyện trực tiếp với Q tại nhà N là “*chú đi lên Hà Giang với anh, chú chịu trách nhiệm sắp xếp cho 04 khách nữ người nước ngoài ăn, ở và trông chừng không cho khách đi linh tinh, đến khi nào anh bảo đưa đi thì chú dẫn đi đến điểm hẹn để 04 khách trốn sang Trung Quốc*”, “*xong việc sẽ trả công 4.000.000đ (bốn triệu đồng)*”, Q đồng ý.

Do đông người đi, một xe ô tô 04 chỗ của N đang sử dụng không chở đủ người nên N gọi cho Hồ Quang H qua ứng dụng Zalo nói: “*chú đi đón hộ anh 04 khách nữ ở Hà Nội lên tỉnh Hà Giang, đón luôn tối nay*”, H đồng ý, N gửi số điện thoại 0913.511.113 cho H tự liên hệ đón người. Sau đó, M bảo N gọi cho H đón Th trước rồi đưa đến cây xăng B, thuộc thành phố BN, tỉnh Bắc Ninh, sau đó mới đi

đón 04 khách nữ tại Hà Nội. N gọi điện qua zalo bảo Th “*chú chuẩn bị quần áo, rồi ra cây xăng C, thuộc huyện C, tỉnh L sẽ có người đón*”. Sau đó, N gọi lại cho H bảo đón Th ở cây xăng C, huyện C, Lạng Sơn rồi đưa đến điểm hẹn, sau đó mới đi đón 04 khách nữ ở Hà Nội; N gửi cho H số điện thoại 0982.662.956 của Th để liên lạc đón.

Khoảng 21 giờ 30 cùng ngày, Th từ nhà đi đến cây xăng C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Khi đang ở cây xăng, N gọi qua ứng dụng zalo cho Th hỏi “*chú đã đến cây xăng chưa?* Th trả lời: “*đến rồi*”, N nói “*chú cứ chờ đó đi, thằng em nó có việc ra sau khoảng 20 phút đấy*”. Th đứng chờ một lúc, thấy xe ô tô màu đỏ, BKS: 12A-217.81 do H điều khiển và hỏi “*chú có phải là N giới thiệu chở chú không?*”; Th nói: “*phải*” sau đó cả hai lên xe, H điều khiển xe đi Thành phố Hà Nội. Đến cây xăng đoạn cầu Bồ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, H dừng xe cho Th xuống và tiếp tục di chuyển xuống Hà Nội. H gọi vào số điện thoại 0913.511.113 (*chủ thuê bao là Nguyễn Ngọc Kh, sinh năm 1972, trú tại: 198, Nguyễn Ái Q1, thành phố H, tỉnh Hải Dương, lái xe ô tô khách HL*) do N gửi, được nhà xe hẹn đón người tại đường rẽ cầu Thanh Trì hướng lên Lạng Sơn. H đến điểm hẹn và đón được 04 khách nữ, H vẫy tay ra hiệu bảo họ lên xe. H điều khiển xe di chuyển hướng về tỉnh Hà Giang. Trên đường đi, H có hỏi, nói chuyện với 04 khách nữ nhưng không ai trả lời, đồng thời thấy họ trao đổi bằng ngôn ngữ không phải tiếng Việt Nam, H có sử dụng điện thoại để quay video hình ảnh 04 người phụ nữ trên xe.

Đối với N, M và Q, sau khi ăn cơm tối xong Q về nhà để lấy ba lô quần áo, rồi quay lại nhà N. Khoảng 20 giờ ngày 07/07/2024, N điều khiển xe ô tô BKS: 12A-227.46, nhãn hiệu HUYNDAI, số loại ACCENT, màu sơn: trắng (*xe của mẹ N bà Chu Thị Ng, cho N mượn để lái taxi*), trên xe có M và Q đi sang Hà Giang, đến đoạn đường có cây xăng gần cầu B, tỉnh Bắc Ninh thì dừng xe đón Th rồi tiếp tục điều khiển xe di chuyển theo hướng đi tỉnh Hà Giang. Trên đường đi N nhận được điện thoại của H thông báo đã đón thành công 04 khách nữ. Khi đến địa phận tỉnh Tuyên Quang, N dừng xe trước của một nhà nghỉ (*không nhớ rõ tên, địa chỉ nhà nghỉ*), Q xuống xe, vào thuê 03 phòng: 01 phòng cho 04 khách nữ người nước ngoài, 01 phòng cho N và M, 01 phòng để Q, Th và H nghỉ. N lại gọi cho H nói đã thuê nhà nghỉ ở Tuyên Quang bảo H vào nghỉ, N gửi định vị qua Zalo cho H và dặn đến nơi gọi điện thoại cho Q ra đón. Khoảng 02 giờ 00 ngày 08/7/2024, H theo định vị N gửi đến một nhà nghỉ tại thành phố Tuyên Quang, H dừng xe và gọi cho Q ra đón 04 khách nữ lên tầng 2 vào một phòng và chỉ cho H vào một phòng ở tầng 1, H ngủ cùng phòng với Q và Th.

Đến khoảng 08 giờ ngày 08/7/2024, Q gọi mọi người dậy trả phòng để đi lên Hà Giang, M trả tiền phòng, 04 người phụ nữ nước ngoài tiếp tục lên xe ô tô của H điều khiển; còn Th, Q, M lên xe ô tô của N và cùng nhau đi ăn sáng. Sau đó, 02 xe tiếp tục di chuyển hướng về Thành phố Hà Giang. Khoảng 11 giờ, đến đoạn đường thuộc Km 21, Huyện Vị Xuyên, M xuống xe để đi giải quyết việc riêng (*M đang làm thủ tục để li hôn với chồng*). N cùng mọi người tiếp tục di chuyển và đi đến nhà nghỉ D thuộc tổ 1, Thị trấn Vị Xuyên, Huyện Vị Xuyên để lấy phòng nghỉ ngơi, H điều khiển xe đi theo sau. Tại nhà nghỉ D, Q vào thuê 03 phòng nghỉ

ở tầng 1: Phòng 101 cho 04 khách nữ nước ngoài nghỉ; phòng 102 cho Q và Th nghỉ; phòng 103, N và M nghỉ. Sau khi nhận phòng xong, mọi người cùng nhau đi ăn cơm trưa, trong lúc ăn cơm, N bảo H cứ về trước, tính tiền xe hết bao tiền bảo N, N sẽ chuyển khoản sau, H ăn xong trước rồi lên phòng nghỉ ngơi. Đến khoảng 13 giờ, H dậy và điều khiển xe đi về nhà tại tỉnh Lạng Sơn.

Khoảng 15 giờ 00, M gọi điện bảo N đón M ở gần Toà án Huyện Vị Xuyên, rồi đưa về nhà nghỉ D để nghỉ ngơi. Đến khoảng 17 giờ, M rủ N, Q và Th vào nhà bố mẹ đẻ tại thôn C, xã N, Huyện V ăn cơm. Đến 22 giờ 00, sau khi ăn cơm xong, N điều khiển xe đưa mọi người quay về nhà nghỉ D. Trên đường đi chuyển về nhà nghỉ D, N bảo Th “*sáng M lên thành phố Hà Giang sẽ có người chờ đi lên biên giới để tìm đường*”. Đến gần nhà nghỉ, do Th ngủ nên N bảo Q ghi lại số điện thoại 0353.058.005 (*N lấy số điện thoại này trên mạng xã hội Tiktok, do thấy quảng cáo là xe ôm cho khách đi phượt tại Hà Giang*) đưa cho Th, để M Th liên hệ chờ đi từ thành phố Hà Giang lên biên giới. Về đến nhà nghỉ, mọi người vào phòng nghỉ ngơi.

Sáng hôm sau, Q với Th ngủ dậy, không thấy N và M ở nhà nghỉ (vì vào khoảng 03 giờ 30 phút, N và M dậy lấy xe ô tô đi vào nhà M, đón bố mẹ M cùng đi lên thị trấn Đồng Văn, Huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang để ăn cưới họ hàng của M). Q và Th đi ăn sáng, Q cầm điện thoại của Th và lưu số điện thoại 0353.058.005 do N đưa tới qua là “*Cháu Hà Giang*” rồi trả điện thoại và bảo Th lên thành phố Hà Giang thì liên hệ số này để họ chờ đi ra biên giới. Q mua 08 cái bánh mì và 04 hộp sữa mang về nhà nghỉ cho 04 khách nữ ăn; 04 khách nữ ăn xong, Q ra ngoài đường cùng Th bắt xe khách để Th lên Thành phố Hà Giang (*không nhớ tên nhà xe*). Sau khi Th đi xe lên Thành phố Hà Giang, Q về phòng nghỉ, đến khoảng 10 giờ 00, do có việc cá nhân nên gọi điện báo cho N phải về Hà Nội gấp M quay lại (*mục đích đi vay mượn tiền đảo hạn, trả nợ*), sau đó Q ra ngoài đường bắt xe khách về Hà Nội.

Đến gần trưa ngày 09/07/2024, Th lên đến thành phố Hà Giang, Th gọi qua Zalo vào số điện thoại “*Cháu Hà Giang*” do Q lưu nhưng không có ai nghe máy; không gọi được nên Th nhắn tin nội dung: “*chú đang ngồi gốc cây đấy mà*” nhưng không thấy trả lời. Th gọi lại cho N nói: nó không nghe máy chú, cũng không liên lạc được; N nói: thế chú cứ chờ ở đó đi, tiếng sau nó mới ra đấy được. Th ngồi chờ khoảng 2 tiếng, N gọi lại nói: Chú thấy nó ra chưa; Th nói: chưa thấy; N nói: trưa rồi nó không đi nữa, chú cứ ngồi một lúc đi, cháu gọi cậu cháu tới đưa chú đi ăn rồi về nhà nghỉ tiếp, hay chú đi đâu chơi thì đi. N gọi vào số điện thoại 0868.774.155 cho cậu của M là Dương Văn T, sinh năm 1988, trú tại: Sán Trồ, P, Đồng Văn, Hà Giang, nhờ ra đưa Th đi ăn, T đồng ý; N gửi số của Th cho T đề chủ động liên lạc. T gọi điện thoại cho Th hỏi: “*chú đang ở đâu*”, Th nói: “*đang ở gốc cây đối diện bến xe*”, T nói: “*chú chờ cháu khoảng 20 phút*”. Một lúc sau, T điều khiển xe máy tới nói: “*N bảo chú đợi cháu đi ăn cơm đúng không?*”; Th nói: “*phải*”. Sau đó, T điều khiển xe máy chở Th ngồi phía sau rồi đưa vào một quán cơm (*chưa xác định địa chỉ*) cách bến xe khoảng 50m. Quá trình ăn cơm, Th và T chỉ nói chuyện xã giao với nhau. Ăn cơm xong, Th bắt xe khách về nhà nghỉ D, T đi về nhà.

Khoảng 18 giờ 00 cùng ngày, sau khi ăn cưới xong, N, M cùng bố mẹ M đi về nhà ở C. Trên đường đi, người đàn ông thuê đưa người sang Trung Quốc gọi vào số điện thoại của N và nói "*có người vào trên 04 khách nữ*" nên M gọi điện cho Th hỏi nhưng Th không nghe máy, M gọi cho Q bảo kiểm tra. Q gọi cho Th hỏi thì được Th cho biết Th có mở cửa vào phòng 04 khách nữ nhưng là để cho khách mấy quả mận. M tiếp tục gọi cho Th, Th nghe máy, M hỏi "*ai trên khách*" thì Th bảo không có ai. M bảo Th ở nhà mua cơm buổi tối cho 04 khách nữ ăn tối.

Đến khoảng 20 giờ 00 phút ngày 09/07/2024, bà Nguyễn Thị Út H, chủ nhà nghỉ D, phát hiện tại phòng A101 có một nhóm phụ nữ lạ không biết nói tiếng Việt và không đi cùng nhóm thuê phòng từ ban đầu nên đã báo Công an thị trấn Vị Xuyên đến kiểm tra hành chính. Công an thị trấn Vị Xuyên đã mời 04 người phụ nữ Campuchia và Q lên làm việc, quá trình làm việc 04 người phụ nữ Campuchia không xuất trình được giấy tờ, do vụ việc thấy có yếu tố nước ngoài nên đã báo cáo Cơ quan Điều tra Công an huyện Vị Xuyên, sau đó Cơ quan điều tra Công an huyện Vị Xuyên đã chuyển cho Cơ quan An ninh Điều tra Công an tỉnh Hà Giang xác minh sự việc theo đúng thẩm quyền.

Đến khoảng 21 giờ 00 cùng ngày, M gọi cho Th hỏi tình hình khách nhưng Th không nghe máy, M gọi cho Q bảo gọi cho Th. Q gọi lại bảo không gọi được cho Th, M bảo để vào kiểm tra. M và N đi vào nhà nghỉ, tới cổng thấy có xe ô tô của Công an, do sợ bị phát hiện nên quay đầu di chuyển về nhà N ở Lạng Sơn để nghe ngóng tình hình. Trên đường đi M nhận được điện thoại của người đàn ông thuê nói là không liên lạc được với 04 khách nữ nước ngoài và hỏi M có liên lạc được với người của M không, M trả lời không. Người đó bảo M xóa hết các số liên lạc đi. M và N nghe theo người đó nên đã xóa hết các dữ liệu có liên quan trong điện thoại. N gọi cho Q đang ở Hà Nội bảo ông Th và 04 khách nữ bị bắt rồi, trốn đi đâu đó vài ngày và xóa hết các dữ liệu điện thoại liên quan đến việc đưa 04 người phụ nữ đi Trung Quốc. Q đã thực hiện theo, xóa hết các dữ liệu.

Ngày 28/07/2024 Chương Thị M và Nông Văn N đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Hà Giang đầu thú về hành vi đưa 04 người phụ nữ nước ngoài xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc.

Đối với 04 phụ nữ nước ngoài, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Hà Giang đã phối hợp với Đại sứ quán Campuchia, xác định được danh tính của 04 người phụ nữ và làm rõ mục đích đi sang Việt Nam, cụ thể là:

(1) Tha U (tên thường gọi là Mây), giới tính nữ, sinh ngày 15/01/2000; địa chỉ cư trú: Ấp Krec, xã B'ro Lai, Hện S'đoang, tỉnh Kompong Thom, Campuchia (Bố đẻ: *Thron Tha, 63 tuổi*; Mẹ đẻ: *Liêng Him, 58 tuổi*).

(2) Mouen S, giới tính: nữ, sinh ngày 15/10/2005, địa chỉ cư trú: thôn Ôta nhiên, Huyện Bavel, tỉnh Battambang, Campuchia (Bố đẻ: *En Mean, 45 tuổi*; Mẹ đẻ: *Nem Chan Thy, 40 tuổi*).

(3) Phek M1, giới tính: nữ, sinh ngày 11/11/2005, địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã Ra Minh, Hện Bo Keo, tỉnh Ratanakiri, Campuchia (Bố đẻ: *Tat Phek, khoảng 40 tuổi*; Mẹ đẻ: *Chinh My, 38 tuổi*).

(4) Mouen P, giới tính: nữ, sinh ngày 08/6/2006; địa chỉ cư trú: Ấp Pia rãng, xã Prek So Lát, Hện KokThom, tỉnh PreyVeng, Campuchia (*Bố đẻ: Chhet Mouen, 60 tuổi; Mẹ đẻ: Nit SaVoeun, 50 tuổi*).

Qua đấu tranh khai thác, cả 04 công dân trên đều khai nhận nhập cảnh trái phép vào Việt Nam qua đường mòn biên giới thuộc xã Choam Kra Viên, huyện Mê Mốt, tỉnh Thoung Khmum (*khu vực tiếp giáp với tỉnh Tây Ninh*), sau đó được một số đối tượng người Việt Nam (không biết tên tuổi, địa chỉ) đưa di chuyển trong nội địa Việt Nam đi đến địa bàn tỉnh Hà Giang để tìm đường xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc với mục đích lấy chồng người Trung Quốc.

Trong quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Từ căn cứ trên, Cáo trạng số 38/CT-VKSHG-P1 ngày 29/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã truy tố các bị cáo Chương Thị M, Nông Văn N, Đinh Văn T, Luận Văn Q về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tranh luận, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm giữ N cáo trạng truy tố đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nông Văn N, Chương Thị M, Luận Văn Q, Đinh Văn T phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 38; Điều 50; khoản 1, 3 Điều 57; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo Nông Văn N, Chương Thị M mỗi bị cáo từ 15 đến 18 tháng tù; xử phạt bị cáo Luận Văn Q từ 12 đến 15 tháng tù. Áp dụng thêm điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo Đinh Văn T để xử phạt bị cáo Th mức hình phạt từ 12 đến 15 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định đối với các bị cáo. Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để tuyên tịch thu, sung ngân sách Nhà nước đối với các vật chứng gồm: 04 chiếc điện thoại tạm giữ của các Chương Thị M, Luận Văn Q, Nông Văn N, Đinh Văn T. Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo Chương Thị M, Nông Văn N, Đinh Văn T, Luận Văn Q đã khai nhận toàn bộ hành vi tổ chức cho 04 người phụ nữ đi từ Hà Nội lên Hà Giang với mục đích để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, khi đến địa phận thị trấn Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang thì bị cơ quan chức năng phát hiện và ngăn chặn. Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa thống nhất với nhau, phù hợp với lời khai của những người làm chứng tại phiên tòa; phù hợp với Biên bản tiếp nhận nguồn tin tội phạm; Biên bản sự việc; Biên bản người phạm tội ra đầu thú; Biên bản nhận dạng và bản ảnh nhận dạng; Biên bản kiểm tra và giải trình điện thoại bản

ảnh chụp màn hình điện; Biên bản ghi lời khai của người làm chứng và các vật chứng, tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Tại phần tranh luận, bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Trợ giúp viên pháp lý, bào chữa cho các bị cáo Nông Văn N, Chương Thị M, ông Nguyễn Xuân Giang - Trợ giúp viên pháp lý, bào chữa cho các bị cáo Luận Văn Q, Đinh Văn T đều thống nhất quan điểm: Nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là cao. Từ đó, bà Huyền đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt từ 12 đến 15 tháng tù đối với hai bị cáo Nông Văn N, Chương Thị M; ông Giang đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt là 12 tháng tù đối với hai bị cáo Đinh Văn T, Luận Văn Q; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật hình sự để cho các bị cáo được hưởng án treo. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Về vật chứng và án phí: Nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên.

Các bị cáo nhất trí với quan điểm bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý, không có ý kiến bổ sung gì thêm. Khi nói lời sau cùng, các bị cáo đều tỏ rõ sự ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh Điều tra Công an tỉnh Hà Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bào chữa, người làm chứng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[2] Các bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép là vi phạm pháp luật hình sự, ai vi phạm sẽ bị xử lý nghiêm. Tuy nhiên, chỉ vì vụ lợi mà các bị cáo đã tổ chức cho 04 người phụ nữ Campuchia xuất cảnh trái phép khỏi biên giới Việt Nam. Cụ thể: Khoảng 16 giờ 00' ngày 07/07/2024, Chương Thị M được 01 người đàn ông (không rõ tên tuổi địa chỉ) thuê đưa 04 người phụ nữ mang Quốc tịch Campuchia đi từ Hà Nội lên Hà Giang và đưa sang Trung Quốc trái phép với giá 10.000 nhân dân tệ/người, khi đưa đến biên giới Hà Giang - Trung Quốc gửi định vị sẽ được tạm ứng tiền công 10.000 nhân dân tệ, M đồng ý. M rủ Nông Văn N và bàn bạc với N tổ chức việc thực hiện. Sau đó, M rủ Đinh Văn T, N rủ Luận Văn Q cùng thực hiện hành vi, thoả thuận rõ việc trả công cho nhau. Đến khoảng 20 giờ 00' cùng ngày, Chương Thị M cùng Nông Văn N, Luận Văn Q và Đinh Văn T đã tổ chức cho 04 người phụ nữ quốc tịch Campuchia gồm: Tha Ươn, Mouen

Sreyda, Phek Makara, Mouen Panha đi từ Hà Nội lên Hà Giang để đưa sang Trung Quốc trái phép. Đến ngày 09/07/2024, khi đang chuẩn bị tìm đường đi lên biên giới (khu vực tiếp giáp tỉnh Hà Giang với Trung Quốc) thì bị Công an phát hiện, ngăn chặn kịp thời nên các bị cáo không tiếp tục thực hiện được hành vi, chưa nhận được khoản tiền công theo thỏa thuận trước (Luận Văn Q được hứa trả 4.000.000 đồng; Đinh Văn T không nói cụ thể số tiền, chỉ thỏa thuận là xong việc trừ chi phí, còn lại chia đôi). Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”, theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật hình sự. Do vậy, cần chấp nhận toàn bộ quan điểm luận tội của Kiểm sát viên và có cơ sở để kết luận: Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố đối với các bị cáo Chương Thị M, Nông Văn N, Đinh Văn T, Luận Văn Q về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Khoản 1 Điều 348 Bộ luật hình sự quy định: *“Người nào vì vụ lợi mà tổ chức hoặc môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”*

[4] Xét tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp tới trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất, nhập cảnh của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; gây mất trật tự trị an tại địa phương và ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh biên giới giữa 02 nước Việt Nam - Trung Quốc. Do vậy, cần buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra.

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt theo Điều 15 Bộ luật hình sự nên cần áp dụng khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[6] Do các bị cáo cùng cố ý thực hiện tội phạm nên thuộc trường hợp đồng phạm theo Điều 17 Bộ luật hình sự; cần áp dụng Điều 58 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[7] Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[8] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[9] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; do tội phạm các bị cáo thực hiện chưa đạt nên thuộc trường hợp phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Bị cáo M thực hiện việc đầu thú, là hộ cận nghèo, lại có hoàn cảnh gia đình hết sức khó khăn (con nhỏ bị bại não); bị cáo N thực hiện việc đầu thú; bị cáo Th là hộ cận nghèo, có bố, mẹ đều là người có công với cách mạng. Do vậy, các bị cáo được hưởng chung các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Th còn được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và UBND tỉnh Lạng Sơn tặng thưởng Bằng

khen do có thành tích xuất sắc trong nhiệm vụ bảo vệ biên giới nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ là người có thành tích xuất sắc trong chiến đấu theo điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[10] Trong vụ án này, bị cáo M là người chủ mưu, khởi xướng và thực hành tích cực nên giữ vai trò cao nhất; bị cáo N thực hiện tích cực hành vi phạm tội, giữ vai trò thứ hai. Tuy nhiên, bị cáo M hoàn cảnh gia đình hết sức khó khăn (con nhỏ bị bại não, được hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội, lại là hộ cận nghèo) nên Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt của hai bị cáo này là như nhau. Bị cáo Q và bị cáo Th giữ vai trò giúp sức, trong đó bị cáo Th là người được hứa trả tiền công cao hơn, có vai trò quyết định trong việc tìm đường để đưa người vượt qua biên giới. Tuy nhiên, bị cáo Th có nhiều hơn bị cáo Q 01 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51; 02 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt của hai bị cáo này là như nhau.

[11] Căn cứ vào nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trên cơ sở cân nhắc đầy đủ và toàn diện tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, vai trò của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tại tù trại giam trong một thời hạn nhất định, theo mức đề nghị của Kiểm sát viên, có như vậy mới có tác dụng răn đe riêng và phòng ngừa chung. Do các bị cáo đều là lao động tự do, thu nhập không ổn định, chưa được hưởng lợi từ hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định đối với các bị cáo.

[12] Quan điểm của hai người bào chữa cho bốn bị cáo về việc đề nghị xử phạt mức hình phạt từ 12 đến 15 tháng tù đối với hai bị cáo Chương Thị M, Nông Văn N; 12 tháng tù đối với hai bị cáo Đinh Văn T, Luận Văn Q; đồng thời áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật hình sự để cho các bị cáo được hưởng án treo là không phù hợp, chưa tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo; không đáp ứng yêu cầu của công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[13] Trong vụ án này, người đàn ông gọi điện thuê đón và đưa 04 công dân Campuchia xuất cảnh trái phép (*chưa xác định được tên tuổi địa chỉ cụ thể*) là đối tượng cầm đầu, chủ mưu trong việc thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, hiện Cơ quan điều tra vẫn chưa xác định được nhân thân, lai lịch của đối tượng này nên chưa có đủ cơ sở để điều tra, xử lý theo quy định, do vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[14] Đối với 04 người phụ nữ quốc tịch Campuchia có hành vi nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, ngày 23/07/2024, Cơ quan An ninh điều tra phối hợp với Phòng Quản lý Xuất nhập cảnh, Công an tỉnh Hà Giang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1543; 1544; 1545; 1546 đối với 04 người phụ nữ có quốc tịch Campuchia về hành vi “*Qua lại biên giới quốc gia không làm thủ tục xuất cảnh,*

nhập cảnh”, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 18 Nghị định 144/2021/NĐ-CP, ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[15] Đối với anh Hồ Quang H, làm nghề lái xe taxi, được bị cáo N thuê đón và chở 04 người phụ nữ Caphuchia đến tỉnh Hà Giang. Quá trình đưa đón khách, các bị cáo trong vụ án không nói cho anh H biết 04 người khách nữ đưa đến Hà Giang để đi đâu và làm gì. Sau khi chở từ Hà Nội lên đến Hện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang, anh H đã quay trở về nhà tại Lạng Sơn và không trao đổi nội dung gì liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án. Do đó, Cơ quan An ninh điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

[16] Đối với chủ thuê bao số điện thoại 0913.511.113 mang tên Nguyễn Ngọc Kh, sinh năm 1972, trú tại: 198, Nguyễn Ái Q1, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, lái xe nhà xe khách HL. Kh là lái xe, có nhiệm vụ đón và chở khách trên tuyến đường Bắc - Nam (*bến xe Nước Ngầm - bến xe An Suông và ngược lại*), quá trình lái xe anh Kh không biết khách có nhân thân lai lịch ra sao, khách đi đâu và làm gì, nên Cơ quan An ninh điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

[17] Đối với số điện thoại 0353.058.005 được bị cáo N lấy số trên mạng xã hội Tiktok rồi cung cấp cho bị cáo Th, bị cáo Th lưu vào điện thoại tên “Cháu Hà Giang”. Quá trình điều tra chưa xác định được số thuê bao là của ai, Cơ quan điều tra đã liên lạc với số điện thoại trên, song số thuê bao đã bị khóa; đồng thời gửi yêu cầu đề nghị đơn vị viễn thông, tra cứu đối với số điện thoại trên, hiện vẫn chưa có kết quả trả lời. Tuy nhiên, do bị cáo Th không liên hệ được với số thuê bao và không được họ thực hiện đưa lên biên giới nên đã đi về, chính vì vậy không có đủ cơ sở để xem xét giải quyết.

[18] Đối với anh Dương Văn T, sinh năm 1988, trú tại: S, PL, Đồng Văn, tỉnh Hà Giang, là cậu ruột của bị cáo M, được bị cáo N nhờ đưa bị cáo Th đi ăn cơm tại khu vực bến xe khách phía Nam, thành phố Hà Giang. Anh T không được tham gia và không trao đổi nội dung gì liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

[19] Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để tuyên tịch thu, sung ngân sách Nhà nước đối với các vật chứng gồm: 04 chiếc điện thoại di động tạm giữ của các Chương Thị M, Luận Văn Q, Nông Văn N, Đinh Văn T.

[20] Đối với 01 xe ô tô BKS: 12A-227.46 thuộc sở hữu của bà Chu Thị Ng (mẹ bị cáo N), N mượn xe bà Ng để làm dịch vụ chở khách. Bà Ng không biết việc N dùng xe để thực hiện hành vi phạm tội. Đối với 01 chiếc điện thoại di động là tài sản của anh Hồ Quang H, không liên quan đến hành vi phạm tội. Ngày 30/10/2024, Cơ quan An ninh Điều tra Công an tỉnh Hà Giang đã ban hành Quyết định xử lý vật chứng, trả các tài sản cho bà Chu Thị Ng và anh Hồ Quang H là có căn cứ, không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[21] Đối với 01 USB màu đỏ đen nhãn hiệu Sandish (dữ liệu video hình ảnh trích xuất từ camera an ninh của nhà hàng DV, địa chỉ tại thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn); 01 USB màu đen, nhãn hiệu Kingston 64 gb (lưu giữ video có độ dài 0.2s trong máy điện thoại của H quay 04 người phụ nữ Camphuchia vào ngày 07/07/2024; 01 USB lưu giữ đoạn video dài 01 phút 06 giây ghi nhận nội dung 01 xe ô tô loại xe 04 chỗ màu sơn trắng (không xác định được biển kiểm soát) di chuyển từ hướng Quốc Lộ 2 đi vào sân nhà nghỉ D), là các vật chứng có giá trị chứng minh tội phạm, hiện đang được lưu trong hồ sơ vụ án.

[22] Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

[23] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Chương Thị M, Nông Văn N, Đinh Văn T, Luận Văn Q phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”.

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 348; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 57; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Chương Thị M, Nông Văn N mỗi bị cáo 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày các bị cáo bị bắt, ngày 29/7/2024.

- Xử phạt bị cáo Luận Văn Q 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, ngày 24/7/2024.

2.1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 348; các điểm h, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 57; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đinh Văn T 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, ngày 24/7/2024.

2.3. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định đối với các bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, sung ngân sách Nhà nước đối với các vật chứng gồm: 01 Điện thoại màn hình cảm ứng, phần mặt lưng màu gold, nhãn hiệu IPHONE 6 PLUS, số Seri: C39QP86UGRXL (tạm giữ của Chương Thị M); 01 Điện thoại màn hình cảm ứng, màu xanh đen, nhãn hiệu OPPO, IMEI 1 865545055404790, IMEI 2 865545055404782 (tạm giữ của Luận Văn

Q); 01 Điện thoại màn hình cảm ứng, màu đen, nhãn hiệu HONOR, model KoZ-AL00 (tạm giữ của Nông Văn N); 01 điện thoại màn hình cảm ứng nhãn hiệu HONOR, mặt lưng màu xanh ngọc, model CLK-LX2, IMEI 863217065997641, 863217065997658 (tạm giữ của Đinh Văn T). Toàn bộ 04 chiếc điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không bật nguồn, không kiểm tra bên trong máy.

(Chi tiết vật chứng được mô tả trong Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập hồi 08 giờ 00 phút, ngày 04/12/2024 giữa Công an tỉnh Hà Giang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang).

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

6. Về điều kiện thi hành án: *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.*

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- PC01, PV06, PV09 Công an tỉnh Hà Giang;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Cục THADS tỉnh Hà Giang;
- Bị cáo; người bào chữa;
- Phòng KTNV&THA - TAND tỉnh;
- Tổ HCTP;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Đàm